



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN TIN THAN NGÀY**

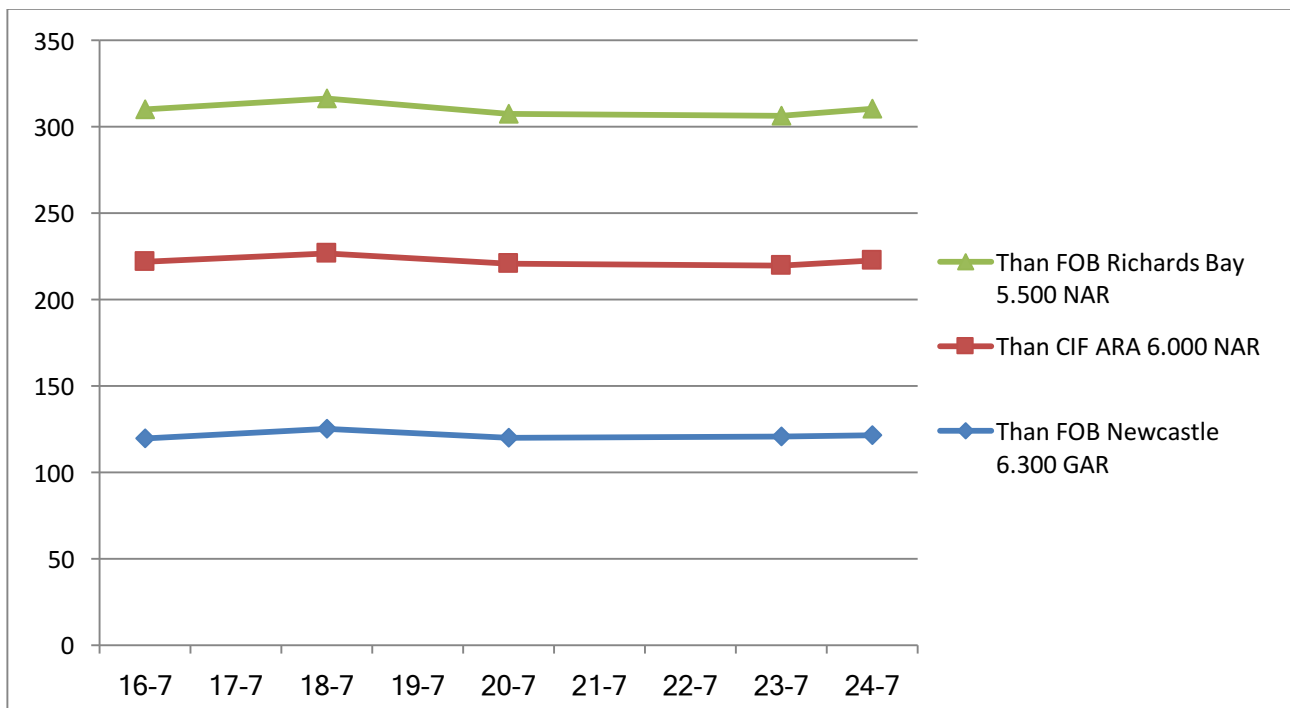
Ngày 26/07/2018

**CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI**

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	121,50	+1,00	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	101,00	+2,00	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	86,15	+0,35	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	82,00	-0,50
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	65,00	-1,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	54,00	-0,45	425,29	-2,03
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	73,10	-0,50	575,72	-1,89
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	82,75	-1,25	651,72	-7,52

**GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018**



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 24/07/2018)

## **ĐIỂM TIN**

### **Khối lượng than nhiệt nhập khẩu trong tháng 6 của Thái Lan đạt 2,41 triệu tấn, tăng 1,6% so với năm ngoái**

Trong tháng 6, Thái Lan đã nhập khẩu 2,41 triệu tấn than nhiệt, tăng 1,6 % so với tháng 5, theo dữ liệu công bố hôm thứ 2 (23/7). Trong đó, than bitum chiếm 770.127 tấn, giảm 7,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Australia cung cấp 278.000 tấn than bitum, giảm 6,6% so với năm ngoái trong khi Indonesia cung cấp 265.499 tấn, giảm 44,5% so với tháng 6 năm 2017. Mỹ cung cấp 225.446 tấn, tăng từ con số 19 tấn cùng kỳ năm ngoái. Khối lượng các loại than lignite và sub-bitum nhập khẩu đạt 1,6 tấn trong tháng 6, tăng 6,7% so với năm ngoái, trong đó Indonesia cung cấp 1,6 triệu tấn, tăng 32,6% so với năm ngoái. Thái Lan đã nhập khẩu 11.047 tấn than anthracite trong tháng 6, giảm 29,8% so với năm ngoái. Trong 6 tháng đầu năm, Thái Lan đã nhập khẩu 12,27 triệu tấn than, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó chủ yếu là than bitum với 3,86 triệu tấn, giảm 30,4% so với năm ngoái. Những loại than khác chiếm 8,33 triệu tấn, tăng 41,3% so với cùng kỳ năm 2017. Indonesia và Australia tiếp tục là những nhà cung ứng than chính cho Thái Lan.

### **Tổng lượng than dự trữ tại các kho cảng biển Bohai Trung Quốc giảm 1% so với tuần trước**

Tổng lượng than dự trữ tại các kho cảng biển Bohai là Qinhuangdao, Caofeidian, và Jingtang đã đạt 21,52 triệu tấn tính đến ngày 23/7, giảm 1,4% so với ngày 16/07, theo dữ liệu của cảng vụ Qinhuangdao. Thời tiết nóng bức tại phía Đông và phía Nam Trung Quốc đã duy trì nhu cầu điện và than tại các nhà máy nhiệt điện hạ nguồn, điều này khiến lượng than dự trữ tại các kho cảng biển Bohai giảm. Lượng than dự trữ cao nhất là tại cảng Caofeidian, với 8,78 triệu tấn tính đến ngày 23/7, giảm từ con số 9,01 triệu tấn của ngày 16/7. Lượng than dự trữ tại Qinhuangdao là 6,77 triệu tấn tính đến ngày 23/7, giảm từ con số 6,99 triệu tấn của ngày 16/7. Ngược lại, lượng than dự trữ tại cảng Jingtang đạt 5,98 triệu tấn than tính đến ngày 23/7, tăng từ con số 5,84 triệu tấn than của ngày 16/7. Lượng than dự trữ tại cảng Huanghua, cảng than của tập đoàn Shenhua tại tỉnh Hebei miền Bắc Trung Quốc đạt 1,57 triệu tấn tính đến ngày 23/7, tăng từ con số 1,28 triệu tấn than của ngày 16/7, dữ liệu được cung cấp bởi cảng vụ Huanghua.

### **Số lượng tàu chờ làm hàng tại hai bến than của cảng PWCS còn 9 tàu**

Số lượng tàu chờ làm hàng tại 2 bến than Port Waratah Coal Services (PWCS) tại cảng Newcastle thuộc khu vực phía Đông Australia còn 9 tàu tính đến ngày Chủ nhật (22/7) so với 19 tàu của tuần trước. Số lượng tàu chờ làm hàng dự kiến sẽ giảm còn 5 tàu tính đến cuối tháng, và ít hơn 5 tàu tính đến cuối tháng 8. Tính đến hết Chủ nhật (22/7) tổng cộng 2,88 triệu tấn than đã được xuất đi từ các bến than của PWCS, tăng 972.500 tấn so với một tuần trước đó. Lượng than xuất khẩu tính từ đầu tháng đến nay đạt 7,85 triệu tấn. Lượng than dự kiến được đưa đến cảng trong tháng 7 tại 2 bến dự kiến sẽ đạt 8,7 triệu tấn và 10,7 triệu tấn vào tháng 8. Trong khi đó, lượng than vận chuyển bằng đường sắt trong tuần trước đã đạt 3,47 triệu tấn. Khoảng 587.000 tấn than đã được xuất từ bến than NCIG tại Newcastle vào tuần trước. Tính đến Chủ nhật (22/7) 2 cảng Carrington và Kooragang tại Port Waratah có tổng lượng than dự trữ sẵn sàng để xuất khẩu đạt 1,68 triệu tấn, giảm 578.000 tấn so với tuần trước đó. Tính đến thứ 2 (23/7) cảng Gladstone có 5 tàu chờ làm hàng, và thêm 4 tàu chờ làm hàng tại các bến than RG Tanna.

(Nguồn: [www.platts.com](http://www.platts.com))

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
<b>Capesize</b> (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	11,95	+0,55
	Queensland	Nhật Bản	13,95	+0,65
	New South Wales	Hàn Quốc	14,70	+0,65
<b>Panamax</b> (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	13,50	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,90	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,70	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,40	+0,00

Úc	Trung Quốc	12,20	+0,10
Úc	Ấn Độ	13,75	+0,00

*(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 24/07/2018)*